TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Ngọc Phượng.

2. Bà Nguyễn Thị Bích Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 170/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2024.

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C , sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nông Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn C tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C theo quy định của pháp luật vào năm 2010, sau khi kết hôn chị Đ và anh Chung C sống với nhau tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Đ và anh C sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Chị Đ và anh C đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Chị Nông Thị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn C.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị Đ, anh C sinh được 02 con chung là cháu Hoàng Thế H, sinh ngày 13/4/2010 và cháu Hoàng Minh Đ1, sinh ngày 03/12/2015. Nay ly hôn, chị Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Hoàng Văn C đến để giải quyết việc chị Nông Thị Đ đề nghị ly hôn nhưng anh C đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Hoàng Thị N (chị gái ruột của anh Hoàng Văn C) thì chị Đ và anh C có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng chị Đ, anh C sống tại thôn B, xã B, huyện C. Đến khoảng năm 2022 chị Đ, anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về cách làm kinh tế. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ của chị Đ ở từ khi mâu thuẫn cho đến nay.

Chị Đ làm đơn xin ly hôn với anh C, anh C có biết và nhất trí ly hôn nhưng do đi làm ăn xa nên không về. Bà N cũng không biết địa chỉ nơi ở làm việc của anh C. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh C biết việc chị Đ xin ly hôn nhưng anh C không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nông Thị Đ, cho chị Nông Thị Đường Đ2 ly hôn với anh Hoàng Văn C.

- Giao cháu Hoàng Thế H, sinh ngày 13/4/2010 và cháu Hoàng Minh Đ1, sinh ngày 03/12/2015 cho chị Nông Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Nông Thị Đ xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Đ phải nộp toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Anh Hoàng Văn C không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Nông Thị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn C; Anh Hoàng Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Nông Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị Đ và anh C không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị Đ và anh C không có sự gắn kết trong cuộc sống, chị Đ và anh C đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nông Thị Đ.

[2.2] Về con chung: Chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là cháu Hoàng Thế H, sinh ngày 13/4/2010 và cháu Hoàng Minh Đ1, sinh ngày 03/12/2015. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Hoàng Thế H và cháu Hoàng Minh Đ1 trình bày khi bố mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng được ở với chị Nông Thị Đ. Anh C không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử

xét thấy cần giao cháu Hoàng Thế H, sinh ngày 13/4/2010 và cháu Hoàng Minh Đ1, sinh ngày 03/12/2015 cho chị Nông Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nông Thị Đường K đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Đ phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn), theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* của chị Nông Thị Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị Đường Đ2 ly hôn với anh Hoàng Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Thế H, sinh ngày 13/4/2010 và cháu Hoàng Minh Đ1, sinh ngày 03/12/2015 cho chị Nông Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nông Thị Đ phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Nông Thị Đ đã nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí là theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001429394 ngày 03/7/2024 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000546, ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được khấu trừ vào tiền án phí. Chị Nông Thị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Hoàng Văn C không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị Đ và anh Hoàng Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Bình Phú;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc